

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày: 16-9-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Thạch Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị D Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12a/2021/HSST-QĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/TB-TA đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: K), sinh năm: 1999, tại: tỉnh N; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Đặng Thị Q; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-12-2020, đến ngày 05-01-2021 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thiện T3, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố H, phường X, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Tống Thị Kiều O, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố L, phường N Th, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Đoàn Ngọc Tr, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố Ph, phường V, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố Q, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Dương Thị Hồng C, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Trần Thị P, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp Th, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

7. Anh Lê Phong V, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp NH1, xã CL, huyện, tỉnh Tây Ninh.

8. Bà Hà Thị Ánh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

9. Chị Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp B, xã X, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

10. Chị Trần Diễm L, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố S, phường V, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

11. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp NH1, xã CL, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2020, Trần Văn T đến tỉnh Tây Ninh để làm thuê cho đối tượng Ngô Văn S (T), sinh năm 1996, ngụ 2A N, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng hoạt động cho vay lãi nặng với tiền công mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Hàng ngày, S chở T đi theo để nắm địa bàn và biết những người vay tiền cùng phương thức thủ đoạn hoạt động. Đến giữa tháng 10/2020, S bận việc gia đình nên phải về tỉnh Lâm Đồng, đồng thời giao lại cho T trực tiếp hoạt động cho vay nhưng T không được quyết định mà phải báo cho S biết. Hằng ngày, T trực tiếp đến nhà người vay hoặc điểm hẹn để thu tiền lãi, sau đó về ghi chép lại trong quyển sổ để theo dõi rồi báo kết quả thu tiền qua điện thoại hoặc Zalo cho S nắm.

S và T thực hiện hoạt động cho vay lãi với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính với hai hình thức gồm:

- Hình thức cho vay trả tiền đứng: Người vay phải trả với lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; tương đương mức lãi suất mỗi tháng 60% và tương đương mức lãi suất mỗi năm là 720%, cao gấp 36 lần lãi suất do Bộ luật dân sự quy định.

- Hình thức cho vay trả tiền góp: Người vay phải trả tiền nợ gốc lần tiền lãi theo tháng với mức lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/30 ngày; tương đương mức lãi suất mỗi tháng 20% và tương đương mức lãi suất mỗi năm là 240%/năm, cao gấp 12 lần lãi suất do Bộ luật dân sự quy định.

Ngoài ra, khi cho vay thì người vay còn phải trả phí cho mỗi lần vay là cứ 5.000.000 đồng lấy phí từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng và giữ các loại giấy tờ tùy thân của người vay nhằm đảm bảo thu hồi nợ.

Tiền thu lợi bất chính trong vụ án được xác định như sau: Mức lãi suất cho vay theo quy định không được vượt quá 20%/năm tương đương không quá 0,0548%/ngày (tức là không vượt quá số tiền 548 đồng/1.000.000 đồng/ngày).

Cụ thể Trần Văn T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng cho những người có tên sau, với tổng số tiền cho vay là 289.600.000 đồng, thu lợi bất chính được số tiền 55.874.012 đồng, gồm:

1- Nguyễn Thiện T3, sinh năm 1975, ngụ khu Khu phố H, phường X, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, anh T3 vay 05 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là: 10.953.425 đồng, hiện gốc chưa thu là: 5.000.000 đồng.

2- Tống Thị Kiều O, sinh năm 1979, ngụ Khu phố L, phường N, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, chị O vay 07 lần với tổng số tiền 20.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 5.118.037 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 12.416.667 đồng.

3- Đoàn Ngọc Tr, sinh năm 1981, ngụ khu phố Ph, phường V, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, chị Tr vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 3.831.050 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 5.666.667 đồng.

4- Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1970, ngụ khu phố Q, phường S, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Vào ngày 29/11/2020, anh Tr1 vay số tiền 5.000.000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 1.064.840 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 833.333 đồng.

5- Dương Thị Hồng C, sinh năm 1983, ngụ ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh: Ngày 30/11/2020, chị C vay số tiền 10.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 2.120.437 đồng; hiện nợ gốc chưa thu là: 1.612.903 đồng.

6- Trần Thị P, sinh năm 1967, ngụ ấp NB, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, bà P vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 3.328.433 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 8.780.488 đồng.

7- Lê Phong V, sinh năm 1978, ngụ ấp NH1, xã CL, Huyện D, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, anh V vay 12 lần với tổng số tiền 110.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 18.569.863 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 32.500.000 đồng.

8- Hà Thị Ánh H, sinh năm 1966, ngụ ấp G, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, bà H vay 02 lần với tổng số tiền 4.000.0000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 999.452 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 1.040.000 đồng.

9- Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1985, ngụ ấp B, xã X, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh: Ngày 29/01/2020, chị D vay số tiền 18.000.000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 1.901.370 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 18.000.000 đồng.

10- Trần Diễm L, sinh năm 1983, ngụ khu phố S, phường V, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020, chị L vay 03 lần với tổng số tiền 22.600.000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 5.243.726 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 12.600.000 đồng.

11- Lê Thị T1, sinh năm 1974, ngụ ấp NH1, xã CL, huyện D, tỉnh Tây Ninh: Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, chị T1 vay 04 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, trong đó: T và S đã thu lợi bất chính được số tiền là 2.743.379 đồng, hiện nợ gốc chưa thu là: 13.666.667 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D, tỉnh Tây Ninh, Trần Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia hiệu TA-1174 màu xanh, Imei 1:3532001116xxxxx;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng, Model M2003J6A1G, Imei 1:8666890490cccc;
- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN QUANG R, số XXX4051107794607;
- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN VAN T, số 97040510526XXXXX;
- 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số có chữ ký xác nhận của Trần Văn T;
- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 70D1-143.XX, số máy 5c63 701579; số khung RLCS5C630CY 701XXX;
- Tiền Việt Nam 24.430.000 đồng.

* Đối với đối tượng tên Ngô Văn S (T), sinh năm 1996; địa chỉ: Số 2A N, phường 10, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng Cơ quan điều tra xác định được đối tượng không có mặt ở địa phương, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

* Đối với 02 trường hợp mà T cho vay gồm Z, R hiện tại Cơ quan điều tra chưa xác định được họ tên địa chỉ cụ thể, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

* Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1980; địa chỉ: NH 2, xã CL, Huyện D thì Cơ quan điều tra xác định T cho mượn tiền không tính lãi nên không có cơ sở xử lý.

* Đối với trường hợp của anh Phan Minh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp NA, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh hiện tại Cơ quan điều tra xác định được anh Hoàng không có mặt ở địa phương, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKS-DMC ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đã truy tố bị cáo Trần Văn T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

* Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu truy tố các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với kết luận điều tra và cáo trạng. Tuy nhiên việc tính toán số tiền thu lợi bất chính, tiền nợ gốc chưa thu được có sai sót, nhầm lẫn về số liệu tính toán, cụ thể: tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính được xác định lại là 55.874.012 đồng, tiền nợ gốc chưa thu được là 62.935.178 đồng.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Từ khoảng tháng 10/2020 đến ngày 26/12/2020, Trần Văn T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền đã cho vay được xác định là 289.600.000 đồng, thu lợi bất chính được tổng tiền lãi là 55.874.012 đồng. Hành vi Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và hành vi. Mặc dù bản thân bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, tư lợi cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo. Hiện nay trên địa bàn xuất hiện nhiều băng nhóm hoạt động cho vay với mức lãi suất cao hơn gấp nhiều lần mức lãi suất do pháp luật quy định, khi người vay trễ hạn trả nợ thì bị chửi mắng, đe dọa đến sức khỏe gây mất trật tự, hoang mang tinh thần quần chúng trong xã hội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ, hình phạt áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

[6] Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần phạt bổ sung bị cáo một số tiền nhất định để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Đối tượng Ngô Văn S (T) cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau theo quy định.

[8] Đối với trường hợp của anh Phan Minh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh hiện tại Cơ quan điều tra xác định được anh Hoàng không có mặt ở địa phương, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[9] Biện pháp tư pháp:

[9.1] Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia hiệu TA-1174 màu xanh, Imei 1:3532001116xxxxx;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng, Model M2003J6A1G, Imei 1:8666890490cccc;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 70D1-143.XX, số máy 5c63 701579; số khung RLCS5C630CY 701XXX;

- Tiền Việt Nam 24.430.000 đồng.

- Buộc bị cáo giao nộp tiền cho vay, khấu trừ số tiền cho vay nhưng chưa thu hồi được sau khi khấu trừ tiền lãi thu lợi bất chính từ người vay vào số nợ gốc còn nợ lại (khấu trừ tiền lãi vượt quá 20% vào số nợ gốc người vay còn nợ) sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Tống Thị Kiều O còn nợ lại 7.298.630 đồng; chị Đoàn Ngọc Tr còn nợ lại 1.835.616 đồng; Bà Trần Thị P còn nợ lại 5.452.055 đồng; Anh Lê Phong V còn nợ lại 13.930.137 đồng; bà Hà Thị Ánh H còn nợ lại 40.548 đồng; chị Hồ Thị Ngọc D còn nợ lại 16.098.630 đồng; chị Trần Diễm L còn nợ lại 7.356.274 đồng. Tổng số tiền gốc bị cáo chưa thu hồi được là: 62.935.178 đồng, như vậy số tiền các bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước là 226.664.822 đồng.

- Buộc bị cáo phải giao nộp lại tiền thu lợi hợp pháp (tiền lãi theo mức lãi suất đúng quy định) để sung vào Ngân sách Nhà nước là: 3.592.712 đồng.

[9.2] Buộc các bị cáo phải trả lại khoản tiền lãi thu lợi bất chính của người vay tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm trả lại cho người vay tiền sau khi khấu trừ số tiền lãi này vào số nợ gốc còn nợ, cụ thể trả lại: anh Nguyễn Thiện T3 5.953.425 đồng; anh Nguyễn Văn Tr1 231.507 đồng.

[9.3] Buộc những người vay nộp số tiền còn nợ lại sung vào Ngân sách Nhà nước (sau khi khấu trừ tiền lãi thu lợi bất chính từ người vay vào số nợ gốc người vay còn nợ lại), đây là tiền vay của bị cáo nhưng chưa trả xong và cũng là

tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cụ thể: Chị Hà Thị Ánh H phải nộp 40.548 đồng; chị Tống Thị Kiều O phải nộp 7.298.630 đồng; chị Hồ Thị Ngọc D phải nộp 16.098.630 đồng; chị Đoàn Ngọc Tr phải nộp 1.835.616 đồng; chị Trần Diễm L phải nộp 7.356.274 đồng; bà Lê Thị T1 phải nộp 10.923.288 đồng; bà Trần Thị P phải nộp 5.452.055 đồng; anh Lê Phong V phải nộp 13.930.137 đồng.

[9.4] Trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các tài sản không liên quan đến tội phạm:

Trả cho bị cáo:

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN QUANG R, số XXX4051107794607;
- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN VAN T, số 97040510526XXXXX;
- 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số có chữ ký xác nhận của Trần Văn T;

[10] Đối với các Giấy tờ, tài liệu những người vay đã giao cho bị cáo để làm tin khi vay tiền giao Công an Huyện Dương Minh Châu xử lý theo quy định.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (K) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung Trần Văn T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 24.430.000 (hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia hiệu TA-1174 màu xanh, Imei 1:3532001116xxxxx;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng, Model M2003J6A1G, Imei 1:8666890490cccc;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 70D1-143.XX, số máy 5c63 701579; số khung RLCS5C630CY 701XXX;

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 226.664.822 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. (tiền cho vay, đã khấu trừ số tiền cho vay nhưng chưa thu hồi được từ người vay là 62.935.178 đồng)

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 3.592.712 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước. (tiền lãi theo mức lãi suất đúng quy định)

3.2. Buộc những người vay nộp số tiền còn nợ lại sung vào Ngân sách Nhà nước (đã khấu trừ tiền lãi thu lợi bất chính từ người vay vào số nợ gốc người vay còn nợ lại):

- Chị Hà Thị Ánh H phải nộp 40.548 đồng;

- Chị Tống Thị Kiều O phải nộp 7.298.630 đồng;

- Chị Hồ Thị Ngọc D phải nộp 16.098.630 đồng;

- Chị Đoàn Ngọc Tr phải nộp 1.835.616 đồng;

- Chị Trần Diễm L phải nộp 7.356.274 đồng;

- Bà Lê Thị T1 phải nộp 10.923.288 đồng;

- Bà Trần Thị P phải nộp 5.452.055 đồng;

- Anh Lê Phong V phải nộp 13.930.137 đồng.

3.3. Tuyên trả tài sản, tài liệu đã thu giữ:

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN QUANG R, số XXX4051107794607;

- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tên TRAN VAN T, số 97040510526XXXXX;

- 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số có chữ ký xác nhận của Trần Văn T;

Các vật chứng, tài liệu đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp;
- VKSND H.DMC;
- CQĐT CA H.DMC;
- Nhà tạm giữ CA H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- PV06 – Công an tỉnh TN;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thơ